



AAT SERVICES CO., LTD.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED**

Trụ sở chính:

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - Đường Hoàng Đạo Thuý - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội

Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084

Email: info@aat.com.vn - Website: <http://www.aat.com.vn> - Tax Code: 0102283607

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center, Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.3979 8188 - Fax: 84.8.3979 8189 - Email: aat-hcm@aat.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO
Số 25-27 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán

Chủ tịch Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng Kiểm toán

Chủ tịch Hội đồng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 - 04
Báo cáo Kiểm toán	05 - 06
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	07 - 20
Bảng cân đối kế toán	07 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh, dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13/13/2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 38/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2006; Giấy phép điều chỉnh số 215/UBCK-GP ngày 18/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho công ty rút bớt nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán; Giấy phép sửa đổi số 372/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty; Giấy phép điều chỉnh số 16/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/03/2011 về việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico và thay đổi trụ sở chính đến số 7, Ngõ 2, Đường 80, Tổ 80, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội; Giấy phép điều chỉnh số 111/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 9 năm 2012 về việc thay đổi trụ sở chính đến số 15, Lô B, Khu ĐTM Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ: 22.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty: Số 15, Lô B, Khu ĐTM Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Ngọc Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Thọ	Ủy viên
Ông Vũ Thành Huy	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Ngọc Dương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Thành Huy	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính của mình phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Để đảm bảo được tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Dương



Số: 45 /2013/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico

Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hamico được lập ngày 26/03/2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

- Như đã trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.3, Công ty đã không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu khác, mức dự phòng cần phải trích lập theo tính toán của Kiểm toán viên là 2.232.562.135 VND.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.8 và V.14, Công ty đã không trích khấu hao tài sản cố định và không phân bổ chi phí công cụ dụng cụ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với số tiền tương ứng là 107.038.563 VND và 275.134.785 VND. Do đó, làm tăng giá trị còn lại của tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận trong năm một khoản tương ứng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng

lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

**Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán,
Kế toán và Tư vấn Thuế AAT**
Phó Giám đốc



Nguyễn Xuân Hòa
Chứng chỉ KTV số: 0909/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Đại Hùng
Chứng chỉ KTV số: 1000/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.131.355.900	14.887.890.502
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		117.260.940	45.191.181
111	1. Tiền	V.1	117.260.940	45.191.181
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.999.338.233	14.835.979.321
131	1. Phải thu khách hàng		176.150.000	44.791.088
132	2. Trả trước cho người bán		2.381.314.450	2.349.314.450
138	5. Các khoản phải thu khác	V.3	7.441.873.783	12.441.873.783
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.756.727	6.720.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		8.036.727	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.5	6.720.000	6.720.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.289.145.678	1.292.179.163
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.009.569.093	1.009.569.093
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	1.009.569.093	1.009.569.093
222	- Nguyên giá		2.099.231.585	2.099.231.585
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.089.662.492)	(1.089.662.492)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.9	-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	-	-
228	- Nguyên giá		192.986.900	192.986.900
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(192.986.900)	(192.986.900)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	-	-
240	III. Bất động sản đầu tư	V.12	-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		5.000.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.13	5.000.000.000	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		279.576.585	282.610.070
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	275.134.785	282.599.070
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		11.000	11.000
268	4. Tài sản dài hạn khác		4.430.800	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		16.420.501.578	16.180.069.665

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

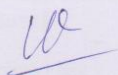
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		995.301.076	759.605.832
310	I. Nợ ngắn hạn		995.301.076	759.605.832
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.15	594.200.000	517.200.000
312	2. Phải trả người bán		21.660.000	6.000.000
313	3. Người mua trả tiền trước		22.000.000	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	93.390.838	64.226.982
315	5. Phải trả người lao động		-	-
316	6. Chi phí phải trả	V.17	-	-
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.18	264.050.238	172.178.850
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi cổ phiếu		-	-
322	11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
327	13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
329	15. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		15.425.200.502	15.420.463.833
410	I. Vốn chủ sở hữu		15.425.200.502	15.420.463.833
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.22.	22.000.000.000	22.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.22.	(6.574.799.498)	(6.579.536.167) ✓
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		16.420.501.578	16.180.069.665

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/1/2013
001	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược		-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	5. Ngoại tệ các loại		-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký		-	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
082	8. Chứng khoán lưu ký của khách		-	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	-
084	10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá		-	-

Người lập



Nguyễn Thu Trang

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Kim Thoa

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc:


Đinh Ngọc Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

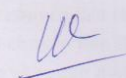
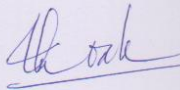
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu		596.651.587	652.433.019
	Trong đó		-	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		596.273.190	652.152.447
01.9	- Doanh thu khác	VI.11	378.397	280.572
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		596.651.587	652.433.019
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	VI.12	137.857.485	147.003.763
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		458.794.102	505.429.256
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		445.731.645	499.695.599
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.062.457	5.733.657
31	8. Thu nhập khác		-	-
32	9. Chi phí khác		8.325.788	4.191.583
40	10. Lợi nhuận khác		(8.325.788)	(4.191.583)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.736.669	1.542.074
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.736.669	1.542.074
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		2,15	0,70

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc:


Đinh Ngọc Dương

Nguyễn Thu Trang

Nguyễn Thị Kim Thoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

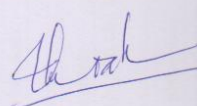
		Đơn vị tính: VND			
Mã số	Chi tiêu	TM		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh			540.919.995	848.857.176
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh			(153.000.000)	(154.746.000)
05	3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán			-	-
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng			-	-
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng			-	-
08	6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành			-	-
9	7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán			-	-
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ			(20.278.111)	(45.754.654)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động			(315.097.600)	(479.600.195)
12	10. Tiền chi trả lãi vay			-	-
13	11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			(11.301.432)	(33.184.280)
14	12. Tiền thu khác			5.010.560.000	4.133.091
15	13. Tiền chi khác			(56.733.093)	(29.469.248)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			4.995.069.759	110.235.890
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(5.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			-	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			(5.000.000.000)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			420.000.000	133.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay			(343.000.000)	(240.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			77.000.000	(107.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			72.069.759	3.235.890
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ			45.191.181	41.955.291
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ				
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ			117.260.940	45.191.181

Người lập biểu



Nguyễn Thu Trang

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Kim Thoa

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc:



Đinh Ngọc Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO

Địa chỉ: Số 15, Lô B KĐT M Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2012

V.22. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		22.000.000.000	22.000.000.000					22.000.000.000	22.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần									
3. Vốn khác của chủ sở hữu			0	0				0	0
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			0						
4. Cổ phiếu quỹ									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
8. Quỹ dự phòng tài chính									
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			0						
10. Lợi nhuận chưa phân phối		-6.581.078.241	-6.579.536.167	1.542.074	0	4.736.669	0	-6.579.536.167	-6.574.799.498
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước		-6.581.078.241	-6.579.536.167	1.542.074				-6.579.536.167	
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay						4.736.669			4.736.669
Cộng		15.418.921.759	15.420.463.833	1.542.074	0	4.736.669	0	15.420.463.833	15.425.200.502

Đơn vị tính: VND

Người lập biểu

Nguyễn Thu Trang

Nguyễn Thu Trang

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Kim Thoa

Nguyễn Thị Kim Thoa

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc:

Đinh Ngọc Dương



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh, dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13/13/2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 38/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2006; Giấy phép điều chỉnh số 215/UBCK-GP ngày 18/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho công ty rút bớt nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán; Giấy phép sửa đổi số 372/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty; Giấy phép điều chỉnh số 16/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/03/2011 về việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico và thay đổi trụ sở chính đến số 7, Ngõ 2, Đường 80, Tõ 80, P. Khương Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội; Giấy phép điều chỉnh số 111/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 9 năm 2012 về việc thay đổi trụ sở chính đến số 15, Lô B, Khu ĐTM Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ: 22.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty: Số 15, Lô B, Khu ĐTM Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC, Thông tư số 95/2008/TT-BTC, Thông tư số 162/2010/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC, các hướng dẫn sửa đổi bổ sung và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**a, Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b, Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với từng mặt hàng.

a) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, được quy định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6-25 năm
- Máy móc, thiết bị	6- 8 năm
- Phương tiện vận tải	6-10 năm
- Thiết bị văn phòng	3-5 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí trả trước khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO

Địa chỉ: Số 15, Lô B KĐT M Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

V.1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Tiền</i>		
Tiền mặt tại quỹ	103.771.622	31.320.858
Tiền gửi ngân hàng	13.489.318	13.870.323
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	-	-
Cộng	117.260.940	45.191.181

V.2 . Đầu tư tài chính ngắn hạn**V.3 . Các khoản phải thu khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chu Hoàng Anh (*)	902.592.693	904.824.693
Phạm Chung Anh (*)	5.855.572.392	10.855.572.392
Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh	172.408.698	172.408.698
Đàm Quốc Hùng	500.000.000	500.000.000
Phải thu khác	11.300.000	11.300.000
Cộng	7.441.873.783	12.444.105.783

(*) Khoản này phát sinh từ hợp đồng mua bán chứng khoán chưa niêm yết năm 2008 giữa Ông Chu Hoàng Anh - Tổng Giám đốc Công ty (miễn nhiệm ngày 23/11/2010) và Ông Phạm Chung Anh- Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 02/10/2008) với Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh. Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh hoàn trả lại toàn bộ số cổ phiếu chưa niêm yết cho ông Chu Hoàng Anh và ông Phạm Chung Anh vì đến thời điểm hiện tại chưa đầy đủ giấy tờ pháp lý.

Tại thời điểm ngày 31/12/2012, Công ty đã không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khác.

V.4 . Hàng tồn kho**V.5 . Thuế và các khoản phải thu nhà nước****V.6 . Phải thu nội bộ ngắn hạn****V.7 . Phải thu dài hạn khác****V.8 . Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	2.099.231.585	-	-	2.099.231.585
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2.099.231.585	-	-	2.099.231.585
II. Giá trị HM lũy kế				
1. Số dư đầu năm	1.089.662.492	-	-	1.089.662.492
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.089.662.492	-	-	1.089.662.492
III. Giá trị còn lại				
1. Đầu năm	1.009.569.093	-	-	1.009.569.093
2. Cuối năm	1.009.569.093	-	-	1.009.569.093

Trong năm, Công ty đã không trích khấu hao tài sản cố định không phục vụ sản xuất kinh doanh ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO

Địa chỉ: Số 15, Lô B KĐT M Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

V.9 . Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**V.10 . Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	192.986.900		192.986.900
2. Số tăng trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	192.986.900	-	192.986.900
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	192.986.900		192.986.900
2. Số tăng trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	192.986.900	-	192.986.900
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	-	-	-
2. Cuối năm	-	-	-

V.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**V.12 . Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư****V.13 . Đầu tư dài hạn khác**

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	Số với giá trị thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Đầu tư cổ phiếu		5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty CP Điện cơ Hải Phòng	300.000	3.000.000.000		3.000.000.000
Cộng		5.000.000.000	-	5.000.000.000

Tại ngày 31/12/2012 cổ phiếu của 2 Công ty trên chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên tạm thời giá trị thị trường của các cổ phiếu này bằng giá trị sổ sách

Ghi chú: Ngày 21/3/2013 cổ phiếu Công ty CP Điện cơ Hải Phòng chính thức được niêm yết, giá tham chiếu của ngày giao dịch đầu tiên là 12.500 đồng/cổ phiếu

V.14 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí trả trước dài hạn	275.134.785	282.599.070
Cộng	275.134.785	282.599.070

Trong năm, Công ty đã không phân bổ chi phí công dụng cụ không phục vụ cho sản xuất kinh doanh ;

V.15 . Vay ngắn hạn và nợ ngắn hạn

	Lãi suất vay	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay cá nhân		467.200.000	420.000.000	293.000.000	594.200.000
Ông Nguyễn Xuân Mai		424.200.000			424.200.000
Ông Đinh Ngọc Dương		43.000.000	50.000.000	43.000.000	50.000.000
Ông Nguyễn Văn Thọ			370.000.000	250.000.000	120.000.000
Cộng		467.200.000	420.000.000	293.000.000	594.200.000

V.16 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	34.150.570	4.986.714
Thuế thu nhập cá nhân	59.240.268	59.240.268
Cộng	93.390.838	64.226.982

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V.17 . Chi phí phải trả

V.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	85.455.000	19.714.200
Bảo hiểm thất nghiệp	7.270.600	1.792.200
Bảo hiểm y tế	16.358.850	4.032.450
Các khoản phải trả, phải nộp khác	154.965.788	146.640.000
Cộng	264.050.238	172.178.850

V.19 . Phải trả dài hạn nội bộ

V.20 . Vay và nợ dài hạn

V.21 . Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

V.22 . Vốn chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.736.669	1.542.074
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.736.669	1.542.074
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,2	0,70

V.23 . Nguồn kinh phí

V.24 . Tài sản thuế ngoài

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KQHĐKD

VI.25 . Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu khác	378.397	280.572
Doanh thu lãi tiền gửi	-	-
Doanh thu khác	-	-
Cộng	378.397	280.572

VI.26 . Các khoản giảm trừ doanh thu

VI.27 . Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ

VI.28 . Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động tư vấn	137.857.485	147.003.763
Cộng	137.857.485	147.003.763

VI.29 . Chi phí tài chính

VI.30 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

VI.31 . Chi phí thuế TNDN hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO

Địa chỉ: Số 15, Lô B KĐT M Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

VII. THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc

Năm nay	Năm trước
VND	VND
77.040.000	77.040.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục

7. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Nguyễn Thu Trang

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Kim Thoa

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc:



Đinh Ngọc Dương